TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/HS-ST
Ngày: 27-01-2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – GIA LAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Hưng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ron và ông Phạm Ngọc Đông

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hạnh - Thư ký của Toà án nhân dân Khu vực 1 – Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Gia Lai tham gia phiên tòa***: Bà Mai Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2026/TLST-HS ngày 05/01/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2026/QĐXXST-HS ngày 04/10/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc D**, giới tính: Nam; sinh ngày 01/02/1979 tại tỉnh G; CCCD số: 052081015933, cấp ngày 18/5/2022; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố H, phường Q, tỉnh G (trước đây là thôn H, xã N, thành phố Q, tỉnh B); Nghề nghiệp: Thợ sữa chữa tàu; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Ngọc C; Con bà: Huỳnh Thị T; Vợ: Nguyễn Thị Kim L (đã ly hôn), con: có 02 người con, sinh năm 2004 và năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo Nguyễn Ngọc D bị bắt truy nã từ ngày 27/10/2025 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Quy Nhơn – Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Cao Văn T, sinh ngày 01/5/1076 (vắng mặt)
Nơi thường trú: Tổ 7, khu phố 15, phường Q, tỉnh G (trước đây là khu phố 5, phường T, thành phố Q, tỉnh B)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*
1. Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1968 (có mặt)
Nơi cư trú: 675 Trần Hưng Đ, phường Q, tỉnh G (trước đây là phường L, thành phố Q, tỉnh B).

2. Ông Lê Văn H, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 108 Lê Đại H, phường Q, tỉnh G (trước đây là phường Đ, thành phố Q, tỉnh B).

- *Người làm chứng:* Anh Phạm Minh H, bà Võ Thị C, bà Nguyễn Thị Kim L, anh Nguyễn Ngọc D, ông Thái Văn T, ông Nguyễn Bá N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc D và Cao Văn T là thợ sửa chữa, đóng tàu thuyền tại Công ty TNHH SX - TM - DV Hải S, phường Q, tỉnh G. Trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 4/2022, D biết Thành đang bận công việc riêng không đến công ty Hải S nên D đã nhiều lần trộm cắp tài sản là dụng cụ, đồ nghề sửa chữa tàu thuyền của T để tại công ty, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 12/3/2022, Nguyễn Ngọc D điều khiển xe mô tô biển số 77H2 - 4297 (xe mượn của Phạm Minh H) đến Công ty Hải S. Lợi dụng việc không có ai trông coi, D lấy 01 đoạn cây gỗ cạy mở tấm ván trên của thùng đồ nghề và lén lút chiếm đoạt 01 con đội chịu lực bằng sắt, màu xanh, 01 cái cưa điện cầm tay, 03 cái cảo (cùm) bằng sắt, hình chữ C (trong đó: 01 cái dài 56 cm, khối lượng 09 kg, 01 cái dài 68 cm, khối lượng 13 kg và 01 cái dài 64 cm, khối lượng 11 kg). Sau đó, D mang tài sản trộm để lên xe mô tô 77H2 - 4297, điều khiển xe mang 03 cái cùm đến bán cho bà Nguyễn Thị Bích L tại địa chỉ 675 đường Trần Hưng Đ, phường Q, tỉnh G với số tiền 500.000 đồng, bán cưa điện cho một người nữ lạ mặt, thu mua phế liệu (không rõ lai lịch) với giá 50.000 đồng, bán con đội cho một thanh niên (không rõ lai lịch) với số tiền 150.000 đồng.

- Lần 2: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 10/4/2022, cũng với thủ đoạn như trên, D lén lút chiếm đoạt 04 cái cảo (Trong đó: 01 cái dài 69 cm, khối lượng 14 kg, 02 cái dài 80 cm, khối lượng 12 kg và 01 cái dài 56 cm, khối lượng 09 kg) của T, rồi chở đến bán cho ông Lê Công H - chủ cửa hàng mua bán phế liệu tại địa chỉ 108 Lê Đại H, phường Q, tỉnh G với số tiền 420.000 đồng.

- Lần 3: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 16/4/2022, D lén lút chiếm đoạt 04 cái cảo (trong đó có: 02 cái dài 69 cm, khối lượng 14 kg, 01 cái dài 80 cm, khối lượng 12 kg và 01 cái dài 56 cm, khối lượng 09 kg) của T, rồi chở đến bán cho ông H với số tiền 370.000 đồng.

- Lần 4: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 21/4/2022, D lén lút chiếm đoạt 05 cái cảo (trong đó có: 01 cái dài 48 cm, khối lượng 07 kg, 01 cái dài 69 cm, khối lượng 12 kg, 01 cái dài 64 cm, khối lượng 10 kg, 01 cái dài 69 cm, khối lượng 14 kg và 01 cái dài 80 cm, khối lượng 12 kg) của T, rồi chở đến bán cho ông H, với số tiền 530.000 đồng.

Số tiền bán tài sản trộm được, D đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 29/6/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Quy Nhơn kết luận:

+ 01 con đội chịu lực bằng sắt, sơn xanh, cao khoảng 28 cm, đế hình chữ nhật có kích thước (13 x 16)cm, đã qua sử dụng, trị giá 480.000 đồng;

+ 01 lưỡi cưa chạy bằng điện, vỏ bên ngoài bằng kim loại màu trắng, lưỡi cưa hình tròn có đường kính 40 cm, đã qua sử dụng, trị giá 720.000 đồng;

+ 01 cái cảo (cùm) bằng sắt, hình chữ C (kèm bu lông), dài 56 cm, khối lượng 9kg, đã qua sử dụng, trị giá 720.000 đồng;

+ 01 cái cảo (cùm) bằng sắt, hình chữ C (kèm bu lông), dài 68 cm, khối lượng 13 kg, đã qua sử dụng, trị giá 720.000 đồng;

+ 01 cái cảo (cùm) bằng sắt, hình chữ C (kèm bu lông), dài 64 cm, khối lượng 11 kg, đã qua sử dụng, trị giá 720.000 đồng;

+ 01 cái cảo (cùm) bằng sắt, hình chữ C (kèm bu lông), dài 48 cm, khối lượng 7 kg, đã qua sử dụng, trị giá 540.000 đồng;

+ 01 cái cảo (cùm) bằng sắt, hình chữ C (kèm bu lông), dài 69 cm, khối lượng 12 kg, đã qua sử dụng; trị giá 720.000 đồng;

+ 01 cái cảo (cùm) bằng sắt, hình chữ C (kèm bu lông), dài 64 cm, khối lượng 10 kg, đã qua sử dụng; trị giá 720.000 đồng;

+ 04 cái cảo (cùm) bằng sắt, hình chữ C (kèm bu lông), dài 69 cm, khối lượng 14 kg/ cái, đã qua sử dụng; trị giá 2.880.000 đồng;

+ 04 cái cảo (cùm) bằng sắt, hình chữ C (kèm bu lông), dài 80 cm, khối lượng 12 kg, đã qua sử dụng; trị giá 5.760.000 đồng;

+ 02 cái cảo (cùm) bằng sắt, hình chữ C (kèm bu lông), dài 56 cm, khối lượng 9 kg, đã qua sử dụng; trị giá 1.440.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 15.420.000 đồng, cụ thể: Lần 1: 3.360.000 đồng, lần 2: 4.320.000 đồng, lần 3: 3.600.000 đồng, lần 4: 4.140.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ 01 con đội chịu lực, 08 cái cảo và đã trả lại cho bị hại là ông Cao Văn T.

Bị hại ông Cao Văn T đã nhận lại tài sản và được D bồi thường số tiền 5.000.000 đồng. Bị hại ông T, người liên quan ông H, bà L không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Tại Cáo trạng số 27/CT-VKSKV1 ngày 31/12/2025, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Gia Lai truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc D về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Nguyễn Ngọc D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Do đó, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo Cáo trạng.

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Cao Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Bích L, Lê Văn H không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo Nguyễn Ngọc D thừa nhận hành vi phạm tội, không bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Nguyễn Ngọc D xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vị liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên toà. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 12/3/2022 đến ngày 21/4/2022, tại tổ 41, khu phố 59, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai, Nguyễn Ngọc D đã 04 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt: 16 cái cảo; 01 cái cưa điện cầm tay; 01 con đội chịu lực với tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 15.420.000 đồng của ông Cao Văn T (Lần 1: 3.360.000 đồng, lần 2: 4.320.000 đồng, lần 3: 3.600.000 đồng, lần 4: 4.140.000 đồng).

Bị cáo Nguyễn Ngọc D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là trái pháp luật, nhưng vì động cơ

vụ lợi, bị cáo đã xem thường pháp luật, lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản để nhiều lần lén lút chiếm đoạt tài sản, gây thiệt hại cho bị hại với tổng trị giá 15.420.000 đồng; hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, nên việc Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Gia Lai truy tố bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, trị an ở địa phương nên phải xử phạt nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo Nguyễn Ngọc D thì thấy rằng:

4.1 Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Ngọc D có nhân thân tốt.

4.2 Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo 04 lần chiếm đoạt tài sản của bị hại Cao Văn T, mỗi lần đều cấu thành tội phạm, nên bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

4.3 Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại để khắc phục hậu quả; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt, cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[5] Về bồi thường thiệt hại:

Bị hại Cao Văn T đã nhận lại 01 phần tài sản bị chiếm đoạt, bị cáo đã bồi thường cho bị hại T 5.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích L, ông Lê Văn H đã giao nộp lại một số tài sản mà bị cáo D chiếm đoạt của bị hại Cao Văn T, họ không yêu cầu bị cáo D phải hoàn trả lại số tiền đã mua, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" nên phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Vấn đề khác:

- Đối với bà Nguyễn Thị Bích L, ông Lê Công H có mua các cùm chữ C của Nguyễn Ngọc D, tuy nhiên ông H, bà L không biết rõ các tài sản này là do D phạm tội mà có nên ông H, bà L không phạm tội.

- Đối với người phụ nữ đã mua 01 cái cưa điện cầm tay và người thanh niên đã mua 01 con đội chịu lực của D, Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra nhưng không xác định được hai đối tượng này nên không có cơ sở xử lý.

- Đối với Phạm Minh H có cho Nguyễn Ngọc D mượn xe mô tô biển số 77H2 – 4297 để làm phương tiện đi lại, tuy nhiên H không biết D dùng xe này thực hiện việc trộm cắp tài sản nên Hảo không phạm tội.

[8] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai tại phiên toà, về các phần đề nghị khác phù hợp với nhận định của HĐXX, tuy nhiên về đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo có phần nghiêm khắc.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 3 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/10/2025.

3. Án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc D phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND KV1 -Gia Lai;
- Phòng THADS KV1- Gia Lai;
- CQ CSĐT CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Đình Hưng